

Số: 564 /QĐ-SGDĐT

Hòa Bình, ngày 10 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh
lớp 9 THCS năm học 2016 - 2017**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở GD&ĐT tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Thông tư ban hành Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia kèm theo văn bản hợp nhất số 22/VBHN-BGDĐT ngày 25/8/2014 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ Công văn số 1686/SGD&ĐT-TrH ngày 16/9/2016 của Sở GD&ĐT về việc tổ chức thi học sinh giỏi cấp THCS năm học 2016-2017;

Căn cứ kết quả thi Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 9 THCS năm học 2016 - 2017;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 535 học sinh đạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 9 THCS năm học 2016 - 2017, trong đó gồm 32 giải nhất, 116 giải nhì, 172 giải ba và 215 giải khuyến khích (*danh sách kèm theo*).

Điều 2. Các phòng GD&ĐT huyện, thành phố; các trường PTDTNT THCS&THPT, PTDTNT THCS thực hiện các hình thức động viên khen thưởng kịp thời đối với các học sinh đạt giải.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng chức năng, chuyên môn, nghiệp vụ Sở GD&ĐT, thủ trưởng các đơn vị tại Điều 2 và các học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /43 lb.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở;
- Như Điều 3;
- Website ngành;
- Lưu: VT, KT&QLCLGD (NH.30).

GIÁM ĐỐC



Bùi Trọng Đắc

BẢNG TỔNG HỢP GIẢI CÁC MÔN
Khối các phòng GD&ĐT huyện, thành phố

STT	Môn thi	Số TS dự thi	SL điểm >10	Tỷ lệ điểm >10	Giải nhất			Giải nhì			Giải ba			Giải KK			Tổng số giải	Tỷ lệ giải
					Số lượng	Tỷ lệ	Điểm chuẩn	Số lượng	Tỷ lệ	Điểm chuẩn	Số lượng	Tỷ lệ	Điểm chuẩn	Số lượng	Tỷ lệ	Điểm chuẩn		
1	Toán học	89	66	74.16	3	3.37	18.50	11	12.36	16.25	18	20.22	14.00	16	17.98	12.25	48	53.93
2	Vật lý	80	52	65.00	2	2.50	19.00	9	11.25	15.00	13	16.25	12.50	16	20.00	10.25	40	50.00
3	Hóa học	80	54	67.50	3	3.75	16.50	9	11.25	14.50	13	16.25	12.50	16	20.00	10.50	41	51.25
4	Sinh học	101	73	72.28	4	3.96	18.00	11	10.89	16.50	16	15.84	14.00	23	22.77	12.00	54	53.47
5	Tin học	88	50	56.82	3	3.41	19.00	11	12.50	15.00	20	22.73	12.00	16	18.18	10.00	50	56.82
6	Ngữ văn	105	69	65.71	3	2.86	15.50	12	11.43	13.00	17	16.19	11.50	24	22.86	10.50	56	53.33
7	Lịch sử	109	70	64.22	4	3.67	16.00	13	11.93	13.75	15	13.76	12.75	24	22.02	11.25	56	51.38
8	Địa lý	108	94	87.04	3	2.78	16.25	14	12.96	14.50	16	14.81	13.50	21	19.44	12.25	54	50.00
9	Tiếng Anh	95	65	68.42	2	2.11	18.50	11	11.58	15.50	18	18.95	14.00	18	18.95	10.25	49	51.58
	Tổng cộng	855	593	69.36	27	3.16		101	11.81		146	17.08		174	20.35		448	52.40

TP Hòa Bình, ngày 07 Tháng 4 năm 2017.
K. GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Nguyễn Đức Lương
PHÓ GIÁM ĐỐC

BẢNG TỔNG HỢP GIẢI CÁC MÔN
Khối các trường PTDTNT THCS&THPT, PTDTNT THCS

STT	Môn thi	Số TS dự thi	SL điểm >10	Tỷ lệ điểm >10	Giải nhất			Giải nhì			Giải ba			Giải KK			Tổng số giải	Tỷ lệ giải
					Số lượng	Tỷ lệ	Điểm chuẩn	Số lượng	Tỷ lệ	Điểm chuẩn	Số lượng	Tỷ lệ	Điểm chuẩn	Số lượng	Tỷ lệ	Điểm chuẩn		
1	Toán học	13	7	53.85	1	7.69	16.00	1	7.69	14.00	3	23.08	12.00	2	15.38	10.00	7	53.85
2	Vật lý	19	10	52.63	0	0.00	16.00	2	10.53	14.00	4	21.05	12.00	4	21.05	10.00	10	52.63
3	Hóa học	15	8	53.33	0	0.00	16.00	0	0.00	14.00	1	6.67	12.00	7	46.67	10.00	8	53.33
4	Sinh học	21	11	52.38	1	4.76	16.00	3	14.29	14.50	3	14.29	12.00	4	19.05	10.25	11	52.38
5	Tin học	12	7	58.33	0	0.00	15.00	0	0.00	13.00	1	8.33	12.00	6	50.00	10.00	7	58.33
6	Ngữ văn	22	12	54.55	1	4.55	14.00	2	9.09	12.00	5	22.73	11.00	4	18.18	10.00	12	54.55
7	Lịch sử	20	11	55.00	1	5.00	16.00	2	10.00	14.00	3	15.00	12.00	5	25.00	10.00	11	55.00
8	Địa lý	22	16	72.73	1	4.55	16.50	3	13.64	14.00	3	13.64	12.25	5	22.73	11.50	12	54.55
9	Tiếng Anh	17	9	52.94	0	0.00	17.00	2	11.76	15.00	3	17.65	13.00	4	23.53	10.00	9	52.94
	Tổng cộng	161	91	56.52	5	3.11		15	9.32		26	16.15		41	25.47		87	54.04

TP Hòa Bình, ngày 17. Tháng 4. năm 2017.
KT. GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Lương